

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2020/HN-ST

Ngày: 29-6-2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Đức*  
*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông **Võ Thanh Nhân**
2. Ông **Huỳnh Tấn Khoa**

*Thư ký phiên tòa: Ông Lê Phước Sang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:*

**Bà Đoàn Thụy Thùy Trang** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về tranh chấp “**Ly hôn**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Tuyết N**, sinh năm 1990 (Có mặt)  
Địa chỉ: Ấp MA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.  
Chỗ ở hiện nay: Ấp LT2, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang.
2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Hữu Đ**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)  
Địa chỉ: Ấp MA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai nguyên đơn chị Lê Thị Tuyết N trình bày, chị và anh Đ quen biết và tiến tới hôn nhân vào năm 2008, có đăng ký kết hôn vào ngày 21/3/2012 tại Ủy ban nhân dân xã Nhơn Mỹ, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống tại nhà của cha mẹ chồng ở ấp MA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang. Hai vợ chồng chung sống đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ thường hay ăn nhậu và đánh đập chị, nhưng chị không có trình báo chính quyền địa phương. Đến đầu năm 2018 thì chị và anh Đ sống ly

thân cho đến nay. Trong thời gian sống ly thân, gia đình 02 bên cũng có hàn gắn cho chị và anh Đ, nhưng anh Đ vẫn không thay đổi, chứng nào tật nấy, tiếp tục ăn nhậu. Khoảng tháng 10/2018 thì anh Đ sống chung với người khác. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Đ.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 24/4/2011 và cháu Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 25/3/2013, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn, chị Lê Thị Tuyết N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Không yêu cầu anh Nguyễn Hữu Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị N và được triệu tập họp lệ để giải quyết, nhưng anh không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải nên không ghi nhận ý kiến và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị N vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Anh Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa, nhưng anh vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo theo quy định của pháp luật.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới về việc giải quyết vụ án:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị Tuyết N xin ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ.

Về quan hệ con chung: Chị N được tiếp tục nuôi 02 con chung là Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 25/3/2013 và cháu Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 24/4/2011 hiện đang sống chung với chị N. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]- Về hình thức: Chị Lê Thị Tuyết N khởi kiện xin ly hôn anh Nguyễn Hữu Đ có nơi cư trú ấp MA, xã NM, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Anh Nguyễn Hữu Đ đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ 02 để tham gia phiên tòa, nhưng anh vắng mặt không lý do chính đáng. Căn cứ Điều 227, Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng anh Nguyễn Hữu Đ là có căn cứ.

[2]- Về nội dung: Chị Lê Thị Tuyết N và anh Nguyễn Hữu Đ sống chung vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung đến năm 2017 phát sinh mâu thuẫn, theo chị N, nguyên nhân do chồng hay uống rượu về đánh đập chị và đã có gia đình khác. Nhận thấy tình cảm không còn, chị N xin ly hôn anh Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, chị N và anh Đ kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình, nên quan hệ hôn nhân giữa hai người được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình giải quyết, anh Đ đã được Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án xin ly hôn của chị N, nhưng anh không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải. Điều này chứng tỏ tình cảm của anh Đ đối với chị N đã không còn, mâu thuẫn giữa hai người đã trầm trọng, nếu sống chung lại cũng không hạnh phúc. Do đó, việc chị N xin ly hôn anh Đ là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.1]- Về quan hệ con chung: Chị N xác định vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 24/4/2011 và Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 25/3/2013 hiện đang sống chung với chị N. Sau khi ly hôn, chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung đến nay, chị N là người trực tiếp nuôi cháu L và cháu N1, nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng, nếu thay đổi sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu. Do đó, yêu cầu của chị N phù hợp với nguyện vọng của cháu L, cháu N1 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, có cơ sở chấp nhận.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con, do chị N không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung: Chị N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.4]- Về nợ chung: Chị N xác định không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]- Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đương sự phải chịu án phí theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị Tuyết N** xin ly hôn anh **Nguyễn Hữu Đ**.

Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Thị Bích L, sinh ngày 24/4/2011 và Nguyễn Thị Kim N1, sinh ngày 25/3/2013, hiện đang sống chung với chị N. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị N cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở anh Đ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Chị N xác định không có.

Về nợ chung: Ghi nhận Chị N xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung trong thời kỳ hôn nhân thì chị N và anh Đ vẫn phải L đới chịu trách Nệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí: Chị Lê Thị Tuyết N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0008181 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- UBND xã Nhon Mỹ;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Công Đức**

